

**QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
CỦA SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo quyết định số 580^a/QĐ-ĐHKH-CTHSSV ngày 28 tháng 9 năm 2012
của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm, phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập và chủ nghĩa xã hội.

2. Căn cứ vào đặc điểm cụ thể của sinh viên hệ chính quy, nhà trường quy định những nội dung phù hợp với tình hình sinh viên hiện nay nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong học tập, tu dưỡng, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện

Điều 3. Yêu cầu

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên; Nhà trường quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng kỳ học.

2. Quá trình đánh giá phải bảo đảm chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

Điều 4. Nội dung đánh giá và thang điểm:

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

a. Ý thức học tập;

b. Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường;

c. Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;

d. Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;

e. Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học - Đại học Thái nguyên căn cứ vào đặc điểm, điều kiện cụ thể của sinh viên trong trường hiện nay, quy định các tiêu chí và mức điểm chi tiết với các nội dung đánh giá tại chương II của Bản quy chế này.

Chương II

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 5. Đánh giá về ý thức học tập

1. Căn cứ để xác định điểm là tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia dự thi sinh viên giỏi ở các cấp.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 30 điểm.

3. Quy định cụ thể

a) Phần cộng điểm:

(tích lũy đủ số tín chỉ tối thiểu quy định cho 1 học kỳ: > hoặc = 15 tín chỉ)

- Thực hiện nội quy, quy chế học tập:

+ Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc chuẩn bị bài đầy đủ: 9 điểm.

+ Không vi phạm quy chế học tập, quy chế thi và kiểm tra: 9 điểm.

+ Không thi lại môn nào: 2 điểm.

- Thi lần 1: Có điểm TBC học tập:

+ Từ 2.20 đến 2.49 được cộng 1 điểm.

+ Từ 2.50 đến 3.19 được cộng 2 điểm.

+ Từ 3.20 đến 3.59 được cộng 3 điểm.

+ Từ 3,60 đến 4,0 được cộng 4 điểm.

- Tham gia nghiên cứu khoa học:

+ Đạt loại khá: 2 điểm.

+ Đạt loại giỏi: 3 điểm.

- Tham gia sinh viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Đạt giải cấp khoa/bộ môn được cộng 1 điểm.

+ Đạt giải cấp trường được cộng 2 điểm.

+ Cấp Đại học Thái Nguyên trở lên được cộng 3 điểm.

b) Phần trừ điểm:

- Nghỉ học không lý do, nhiều lần đi học muộn, hay bỏ tiết học giữa giờ trừ 1 điểm/buổi/môn.

- Vi phạm quy chế thi và kiểm tra:

+ Đối với mức khiển trách trừ 10 điểm.

+ Đối với mức cảnh cáo trừ 20 điểm.

+ Đối với mức đình chỉ trừ 30 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức và kết quả việc chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

3. Quy định cụ thể:

a) Phần cộng điểm:

- Thực hiện tốt nội quy, quy chế và các quy định khác của nhà trường được cộng 15 điểm.

- Đóng học phí đúng quy định được cộng 5 điểm.

- Được khoa/bộ môn, nhà trường, các đoàn thể biểu dương khen thưởng được cộng 5 điểm.

b) Phần trừ điểm:

- Tham gia không đầy đủ, không nghiêm túc "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV" đầu khóa học, đầu năm học bỏ 1 buổi trừ 2 điểm/đợt học.

- Vi phạm quy định đóng học phí trừ 5 điểm.

- Vi phạm quy định nội, ngoại trú (không làm thủ tục đăng ký nội trú, ngoại trú/01 học kỳ) trừ 10 điểm.

- Bỏ sinh hoạt lớp hàng tháng trừ 5 điểm/01 lần sinh hoạt.

- Bị kỷ luật từ mức khiển trách trước toàn trường trừ 10 điểm.

- Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trước toàn trường trở lên trừ 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 20 điểm

3. Quy định cụ thể:

a) Phần cộng điểm:

- Tham gia đầy đủ các hoạt động tập thể của Lớp, Chi đoàn, Liên chi đoàn, Liên chi hội, Chi hội sinh viên (nếu có) được tối đa 10 điểm.

- Không vi phạm các tệ nạn xã hội, luật giao thông, gây rối mất trật tự,... được cộng 5 điểm.

- Có thành tích trong hoạt động văn nghệ, thể thao, đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội được khen thưởng:

+ Cấp khoa/bộ môn được cộng 2 điểm.

+ Cấp trường được cộng 3 điểm.

+ Cấp Đại học Thái Nguyên trở lên được cộng 5 điểm.

b) Phần trừ điểm:

- Không tham gia phong trào của lớp, khoa/bộ môn, trường, đoàn thể, hội trừ 15 điểm.

- Vi phạm các tệ nạn xã hội, luật giao thông, gây rối mất trật tự,... trừ 5 điểm.

Điều 8. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng

1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mối quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè, cứu trợ người gặp khó khăn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 15 điểm

3. Quy định cụ thể:

a) Phần cộng điểm:

- Chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước (có xác nhận của nơi cư trú) được cộng 10 điểm.

- Tham gia phong trào tự quản ở trường và nơi cư trú (có xác nhận của nơi cư trú) được cộng 5 điểm.

b) Phần trừ điểm:

- Vi phạm pháp luật (chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự) trừ 10 điểm.

- Gây mất đoàn kết trong lớp, trong trường, trong ký túc xá trừ 5 điểm

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên

1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức, mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong nhà trường và những sinh viên khác có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện. Khung điểm đánh giá từ 0 điểm đến 15 điểm.

2. Quy định cụ thể:

a) Phần cộng điểm:

- Đối với cán bộ lớp, cán bộ đoàn thể:

Hoàn thành nhiệm vụ, tích cực tuyên truyền, vận động lôi cuốn người khác cùng tham gia công việc tập thể có hiệu quả:

+ Đối với lớp trưởng, bí thư chi đoàn, chi hội trưởng hội sinh viên được cộng 10 điểm.

+ Đối với phó lớp trưởng, phó bí thư chi đoàn, phó chi hội trưởng hội sinh viên được cộng 5 điểm;

- Đối với các sinh viên tham gia một công việc cụ thể trong các hoạt động chính trị - xã hội, văn nghệ - TDTT của lớp, khoa/bộ môn, nhà trường và hoàn thành tốt nhiệm vụ (lớp được cộng 2 điểm; khoa/bộ môn được cộng 3 điểm; nhà trường được cộng 5 điểm).

b) Phần trừ điểm:

+ Cán bộ lớp, chi đoàn, chi hội sinh viên không hoàn thành nhiệm vụ trừ 10 điểm.

+ Các sinh viên không tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, các phong trào thi đua, văn nghệ - TDTT.... của lớp, khoa/bộ môn, nhà trường trừ 5 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các mức: xuất sắc, tốt, khá, trung bình khá, trung bình, yếu và kém.

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc.

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt.

c) Từ 70 đến dưới 80 điểm: loại khá.

d) Từ 60 đến dưới 70 điểm: loại trung bình khá.

đ) Từ 50 đến dưới 60 điểm: loại trung bình.

e) Từ 30 đến dưới 50 điểm: loại yếu.

g) Dưới 30 điểm: loại kém.

2. Những sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Đối với lớp sinh viên

- Từng sinh viên căn cứ vào học tập kết quả học tập, rèn luyện, tự đánh giá theo các nội dung trong mẫu phiếu tự đánh giá do trường quy định.

- Tổ chức họp lớp có Giáo viên chủ nhiệm lớp cùng tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm của từng sinh viên trên cơ sở phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

2. Đối với khoa/bộ môn

Kết quả điểm rèn luyện của từng sinh viên được Trưởng khoa/bộ môn xem xét, xác nhận; lập danh sách xếp loại của từng lớp sinh viên và gửi về phòng Công tác HSSV; các khoa/bộ môn lưu trữ bản tự đánh giá của cá nhân sinh viên.

3. Phòng Công tác HSSV

- Cung cấp số liệu về xử lý khen thưởng, kỷ luật sinh viên cho các khoa/bộ môn vào cuối mỗi học kỳ để Hội đồng cấp khoa/bộ môn đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên.

- Tổng hợp danh sách đánh giá kết quả rèn luyện của các khoa/ bộ môn, kiểm tra và trình Ban Giám hiệu quyết định công nhận kết quả rèn luyện cho sinh viên trong toàn trường.

- Cập nhật kết quả rèn luyện cho sinh viên theo các học kỳ.

- Công bố kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên công khai và thông báo cho sinh viên biết.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

a) Thành phần Hội đồng cấp trường gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng công tác học sinh sinh viên

- Các uỷ viên: Đại diện lãnh đạo các khoa/bộ môn, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường: căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa/ bộ môn, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa/bộ môn có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

a. Thành phần hội đồng cấp khoa/bộ môn gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa/bộ môn hoặc Phó trưởng khoa/bộ môn được Trưởng khoa/bộ môn uỷ quyền.

- Các uỷ viên:Trợ lý công tác sinh viên, Giáo viên chủ nhiệm lớp đại diện Liên chi đoàn thanh niên, Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên (nếu có).

b. Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa/bộ môn:

Căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên giúp Trưởng khoa/bộ môn đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa bộ môn /.

3. Phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện

- Phòng CT HSSV xây dựng chi tiết các nội dung phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

- Các Khoa/bộ môn và các đơn vị có liên quan triển khai theo quy trình đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ: sau khi Hội đồng của Khoa/ bộ môn đã thông qua kết quả rèn luyện của từng sinh viên; hồ sơ được lưu tại khoa/ bộ môn và nộp cho nhà trường (phòng Công tác HSSV) danh sách tổng hợp kết quả rèn luyện từng lớp sinh viên (theo mẫu của trường quy định).

- Phòng Công tác HSSV tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng cấp trường theo quy định để xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

Điều 13. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, năm học và toàn khoá học.

Kỳ 1: Sau khi kết thúc học kỳ và sang đầu học kỳ II 15 ngày.

Kỳ 2: Sau khi kết thúc năm học và sang đầu năm học mới 15 ngày.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của trường (theo thang điểm 100).

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

$$\text{ĐRL}(\text{năm}) = \frac{\text{ĐRLHK 1} + \text{ĐRLHK 2}}{2}$$

Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khoá là trung bình chung của điểm rèn luyện các năm học của khoá học đó được nhân hệ số và được tính theo công thức sau:

$$R = \frac{\sum_{i=1}^N r_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^N n_i}$$

Trong đó:

- a) R là điểm rèn luyện toàn khoá;
- b) r_i là điểm rèn luyện của năm học thứ i ;
- c) n_i là hệ số của năm học thứ i , do Hiệu trưởng quy định theo hướng năm học sau dùng hệ số cao hơn hoặc bằng năm học liền kề trước đó.

Năm thứ 1 = hệ số 1,0.

Năm thứ 2 = hệ số 1,1.

Năm thứ 3 = hệ số 1,2.

Năm thứ 4 = hệ số 1,3.

d) N là tổng số năm học của khoá học. Nếu năm học cuối chưa đủ một năm học được tính tròn thành một năm học.

Điều 14. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả phân loại rèn luyện toàn khoá học của từng sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường và ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng học sinh, sinh viên khi ra trường.

2. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

3. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém cả năm lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại lên các Phòng, Ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định hiện hành.

K.T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Ths. Nguyễn Đức Lạng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị:.....

Thái Nguyên, ngày tháng năm

PHIẾU đánh giá, kết quả rèn luyện SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo quyết định số 580^a/QĐ-ĐHKH-CTHSSV ngày 28 tháng 9 năm 2012
của Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên)

Học kỳ:.....Năm học:.....

Họ và tên :.....Ngày sinh :.....

MSSV:

Lớp:.....Khoa/bộ môn:.....

Nội dung đánh giá	SV đánh giá	Lớp đề nghị	Khoa/bộ môn duyệt	Ghi chú
I. Đánh giá ý thức học tập (điểm tối đa: 30 điểm)				
1. Đi học đúng giờ, đầy đủ, nghiêm túc chuẩn bị bài đầy đủ 9 điểm				
2. Không vi phạm quy chế học tập, quy chế thi và kiểm tra 9 điểm				
3. Không thi lại môn nào 2 điểm				
4. Thi lần 1:				
- Điểm TBHT từ 2.20 đến 2.49 1 điểm				
- Điểm TBHT từ 2.50 đến 3.19 2 điểm				
- Điểm TBHT từ 3.20 đến 3.59 3 điểm				
- Điểm TBHT từ 3.60 đến 4.00 4 điểm				
5. Tham gia nghiên cứu khoa học: - Đạt loại giỏi 3 điểm - Đạt loại khá 2 điểm				
6. Tham gia thi sinh viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ. - Đạt giải cấp Khoa/bộ môn 1 điểm - Đạt giải cấp Trường 2 điểm - Đạt giải cấp Bộ 3 điểm				
- Nghỉ học không phép 01 buổi trừ 1 điểm, đi muộn 03 buổi trừ 01 điểm - Nếu vi phạm quy chế thi sẽ bị trừ như sau: + Khiển trách: trừ 10 điểm + Cảnh cáo: trừ 20 điểm + Đình chỉ thi : trừ 30 điểm				
II. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường (điểm tối đa: 25 điểm)				
1. Thực hiện tốt quy chế ngoại trú, nội trú 10 điểm				
2. Thực hiện tốt nội quy, quy chế của Bộ, Trường và địa phương 5 điểm				
3. Thực hiện tốt nội quy vệ sinh môi trường, bảo vệ của công 5 điểm				
4. Có ý thức vận động đấu tranh để mọi người cùng thực hiện quy chế 5 điểm				
III. Đánh giá ý thức và kết quả việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội,				

văn hoá, văn nghệ, TT, phòng chống tệ nạn xã hội (điểm tối đa: 20 điểm)				
1. Tham gia học đầy đủ, nghiêm túc "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV" đầu khóa, đầu năm, sinh hoạt lớp đầy đủ (<i>bỏ một buổi trừ 2 điểm</i>) 10 điểm				
2. Tham gia đầy đủ các hoạt động tập thể do lớp, Khoa/bộ môn, Trường tổ chức 3 điểm				
3. Không vi phạm các tệ nạn xã hội: Ma túy, mại dâm, uống rượu, gây rối mất trật tự công cộng 3 điểm				
4. Được biểu dương khen thưởng do có thành tích tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, TT, phòng chống các tệ nạn xã hội - Cấp Khoa/bộ môn 2 điểm - Cấp Trường trở lên 4 điểm				
IV. Đánh giá phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng (điểm tối đa: 15 điểm)				
1. Có ý thức tìm hiểu và chấp hành tốt pháp luật, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước 6 điểm				
2. Có ý thức đấu tranh bảo vệ lẽ phải, đóng góp có hiệu quả vào công tác bảo vệ trật tự an toàn trong Nhà trường, địa phương nơi cư trú 4 điểm				
3. Có quan hệ đúng mực với thầy cô giáo, cán bộ - viên chức, với bạn bè và quần chúng nhân dân 5 điểm				
V. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp HSSV, các đoàn thể, tổ chức khác trong trường (điểm tối đa: 10 điểm)				
1. Cán bộ (lớp, chi đoàn, hội sinh viên) hoàn thành tốt nhiệm vụ được tập thể lớp, giáo viên chủ nhiệm, Khoa/bộ môn và phòng CT - HSSV công nhận sẽ đạt các mức điểm sau:				
Lớp trưởng + BTCĐ + Chi hội trưởng hội sinh viên 10 điểm 8 điểm 6 điểm				
Cấp phó: 8 điểm 6 điểm 4 điểm				
2. Là sinh viên tham gia một công việc cụ thể trong các hoạt động chính trị - xã hội, văn nghệ - TDTT của lớp, khoa/bộ môn, trường và hoàn thành tốt nhiệm vụ. (Lớp: 2 điểm; Khoa/Bộ môn: 3 điểm; Trường: 5 điểm)				
Tổng điểm rèn luyện:				

Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp khoa (bộ môn) điểm, xếp loại:
(Những sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên theo quy chế HS - SV khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình).

Chữ ký của sinh viên
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện lớp
(ký, ghi rõ họ tên)

Giáo viên chủ nhiệm
(ký, ghi rõ họ tên)